

THUYẾT MINH CHI TIẾT NỘI DUNG
Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)

I. Cấu trúc và số lượng điều khoản

1. Cấu trúc

Dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi) bao gồm 10 chương và 229 điều. So sánh với Luật doanh nghiệp 2005 thì về cơ bản, cấu trúc của Luật doanh nghiệp vẫn giữ nguyên cơ cấu các chương, mục; tăng thêm một Chương VII về doanh nghiệp nhà nước. Về số lượng điều khoản, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) tăng 57 điều mới; có 130 điều được sửa đổi, bổ sung; có 41 điều được giữ nguyên; bãi bỏ 5 điều.

Cơ cấu của dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi) cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung.

Chương II: Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Chương III: Công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Mục I: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

- Mục II: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chương IV: Công ty cổ phần

Chương V: Công ty hợp danh

Chương VI: Doanh nghiệp tư nhân

Chương VII: Doanh nghiệp nhà nước (chương bổ sung mới)

- Mục I: Những vấn đề chung

- Mục II: Tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu

- Mục III: Công bố thông tin

Chương VIII: Nhóm công ty

Chương IX: Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp

Chương X: Tổ chức thực hiện

II. Nội dung những thay đổi cụ thể

So với Luật Doanh nghiệp 2005, dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi) có những thay đổi, bổ sung cụ thể theo các chương, điều như sau.

1. Chương I: Những quy định chung.

Chương I bao gồm 19 điều, từ Điều 1 đến 18. Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi cơ bản 2 Điều (các Điều 3 và 4) và bổ sung thêm 5 Điều mới (các Điều 11, 12, 13, 16, 17 và 18), cụ thể như sau.

Các nội dung sửa đổi cơ bản

Điều 3: Áp dụng Luật doanh nghiệp, điều ước quốc tế và các luật có liên quan (Điều 3 Dự thảo Luật).

Sửa đổi được thực hiện theo hướng áp dụng thống nhất thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động trong mọi ngành nghề, lĩnh vực; tác bạch giữa thủ tục thành lập doanh nghiệp và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 4: Giải thích từ ngữ (Điều 4 Dự thảo Luật)

Sửa đổi và bổ sung thêm giải thích cho nhiều khái niệm, từ ngữ nhằm tạo cách hiểu chính xác hơn, đầy đủ và rõ ràng hơn. Những khái niệm quan trọng được bổ sung sửa đổi, bao gồm khoản 28, 29 và 30 Điều 4 như sau:

Khoản 28: Người nước ngoài là cá nhân quốc tịch nước ngoài và tổ chức thành lập ở nước ngoài theo pháp luật nước ngoài.

Khoản 29: Doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam. Doanh nghiệp Việt nam được coi là nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp sau:

(a) Một hoặc các thành viên, cổ đông là người nước ngoài sở hữu từ 51% cổ phần phổ thông hoặc vốn điều lệ trở lên đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

(b) Trên 50% số thành viên hợp danh là người nước ngoài đối với công ty hợp danh.

(c) Chủ doanh nghiệp tư nhân là người nước ngoài.

Điều 7: Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh (Điều 7 dự thảo Luật)

Thay đổi cơ bản của điều này là bổ sung thêm khoản 4 xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan trong tập hợp, công bố và cập nhật danh mục các ngành, nghề kinh doanh bị cấm, ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các điều kiện kinh doanh tương ứng do luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

Các nội dung bổ sung mới

Điều 11, 12 và 13 (dự thảo Luật): về doanh nghiệp xã hội

Tương tự như nhiều nước khác trong khu vực và thế giới, trong thời gian gần đây ở nước ta số doanh nghiệp xã hội (DNXH) đã ngày càng gia tăng và hoạt động trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề của nền kinh tế. Đây là doanh nghiệp mà lợi nhuận thu được chủ yếu dùng để tái đầu tư giải quyết vấn đề xã hội hoặc môi trường. Theo điều tra sơ bộ tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, hiện có khoảng vài trăm DNXH hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo nghề, chăm sóc các nhóm người yếu thế, giải quyết các vấn đề môi trường, bảo vệ môi trường và xóa đói, giảm nghèo, v.v... Khảo sát thực tế và tham vấn chính sách cho thấy chủ sở hữu, người quản lý và các bên có liên quan đều mong muốn DNXH được quy định và thừa nhận về mặt pháp lý; qua đó, có thể có những chính sách phù hợp tạo thuận lợi và thúc đẩy phát triển DNXH ở nước ta. Mong muốn nói trên là chính đáng; vì nếu được như vậy, DNXH ở nước ta sẽ có điều kiện thuận lợi hơn để phát triển để trở thành lực lượng bổ sung cho Nhà nước, đồng hành cùng nhà nước trực tiếp giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường của đất nước.

Do đó, điều 11 dự thảo Luật đã xác định: Doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động nhằm giải quyết một hoặc một số vấn đề xã hội và môi trường; ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp được sử dụng để tái đầu tư nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường đã đăng ký.

Điều 16 (dự thảo Luật): Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Đây là điều khoản được bổ sung mới nhằm xác định rõ ràng và thống nhất cách hiểu địa vị pháp lý, vai trò và bổn phận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được xác định rõ là cá nhân và là người đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn trước tòa án (khoản 1 Điều 16 dự thảo Luật).

2. Chương II: Thành lập doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp

Chương II bao gồm 29 điều, từ Điều 19 đến 47. Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 15 Điều (các Điều: 21, 22, 24, 25, 26, 27, 31, 32, 34, 35, 38, 39, 41, 43, 45) và bổ sung thêm 5 Điều mới (các Điều: 20, 33, 36, 42 và 47) và bãi bỏ một Điều (Điều 20 Luật doanh nghiệp 2005).

Các nội dung sửa đổi cơ bản

Điều 15 (Luật doanh nghiệp 2005): Trình tự đăng ký doanh nghiệp (Điều 22 dự thảo Luật)

Thực tế cho thấy những cải cách đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 1999 và 2005 đã tạo ra bước đột phá trong cải thiện môi trường kinh doanh, huy động vốn, phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng đóng góp cho ngân sách. Tuy vậy, xét theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, mức độ thuận lợi trong thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh vẫn thấp hơn chuẩn mực trung bình của quốc tế. Vì vậy, cần phải có thay đổi theo hướng tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm hồ sơ, giảm thủ tục, giảm thời gian đăng ký

thành lập doanh nghiệp và khởi sự kinh doanh. Thay đổi trong dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) là tiếp tục đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp; kết hợp đồng thời thủ tục đăng ký doanh nghiệp với các thủ tục về thuế, đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội. Khoản 3 Điều 22 dự thảo Luật đã bổ sung quy định “Đồng thời với cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội cho doanh nghiệp”.

Các Điều 16, 17, 18 và 19 (Luật doanh nghiệp 2005) về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và công ty cổ phần (các điều 23, 24, 25 và 26 dự thảo Luật).

Thay đổi nội dung các điều khoản này là tách bạch giữa thủ tục thành lập doanh nghiệp và cấp giấy phép kinh doanh, điều kiện kinh doanh và đồng thời tiếp tục tạo thuận lợi hơn nữa cho thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Dự thảo Luật đã bãi bỏ các yêu cầu người thành lập doanh nghiệp phải nộp các giấy tờ như chứng chỉ hành nghề, vốn pháp định, v.v... trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Điều 20 (Luật doanh nghiệp 2005): Hồ sơ, trình tự thủ tục, điều kiện và nội dung đăng ký kinh doanh, đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam.

Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã bãi bỏ điều này; theo đó áp dụng thống nhất một thủ tục thành lập doanh nghiệp, góp vốn/mua cổ phần, không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài.

Điều 25 (Luật doanh nghiệp 2005): Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 31 dự thảo Luật)

Nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đơn giản hóa và chỉ giữ lại những thông tin cơ bản, bao gồm:

- + Tên doanh nghiệp.
- + Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- + Thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- + Vốn điều lệ doanh nghiệp.

Đối với thông tin về ngành nghề kinh doanh thì hiện vẫn còn 2 quan điểm khác nhau về việc có nên hay không ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cụ thể là:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng không ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; người thành lập doanh nghiệp chủ động ghi ngành nghề kinh doanh dự kiến trong hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; người thành lập doanh nghiệp chủ động ghi ngành nghề kinh doanh dự kiến trong hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Phương án mà Ban soạn thảo kiến nghị sửa đổi Luật doanh nghiệp là phương án thứ nhất với những lý do như đã giải trình cụ thể trong Tờ trình dự án Luật doanh nghiệp (sửa đổi).

Điều 33 (Luật doanh nghiệp 2005): Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp (Điều 41 dự thảo Luật)

Dự thảo Luật đã xác định rõ ràng bốn loại ngôn ngữ có thể dùng để đặt tên bằng tiếng nước ngoài cho tên doanh nghiệp là: Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha.

Các nội dung bổ sung mới

Điều 20 (dự thảo Luật): Quyền góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Dự thảo Luật đã bổ sung quy định nhằm xác định rõ phạm vi thương quyền của nhà đầu tư nước ngoài theo nguyên tắc không hạn chế tỷ lệ phần vốn góp hoặc cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam trừ trường hợp bị hạn chế theo pháp luật chuyên ngành và cam kết quốc tế.

Điều 33 (dự thảo Luật): Trình tự đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Có hai thay đổi quan trọng của quy định mới trong dự thảo Luật doanh nghiệp là:

+ Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc là thủ tục “tự động”. Theo đó, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được coi là hoàn thành nếu cơ quan đăng ký kinh doanh không yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi của doanh nghiệp (khoản 3 điều 33 dự thảo Luật).

+ Bổ sung quy định chi tiết hướng dẫn thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của tòa án, trọng tài (khoản 4 điều 33 dự thảo Luật).

3. Chương III, mục 1: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

Mục này bao gồm 25 điều, từ điều 48 đến điều 73. So với Luật Doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 11 Điều (các Điều: 49, 50, 51, 54, 57, 60, 61, 62, 63, 66, 71) và bổ sung thêm 2 Điều mới (các Điều: 64, 67).

Các nội dung sửa đổi cơ bản:

Điều 39 (Luật doanh nghiệp 2005): Thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp (Điều 49 dự thảo Luật)

So với Luật doanh nghiệp 2005, thay đổi trong điều khoản này như sau:

+ Rút ngắn thời hạn thành viên phải thanh toán đủ phần vốn góp khi thành lập công ty và quy định rõ quyền và lợi ích của các thành viên trong thời hạn đang góp đủ vốn. Khoản 2 điều 49 dự thảo Luật được sửa đổi là: thành viên phải thanh toán phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.¹ Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

+ Xác định rõ trách nhiệm của các thành viên không góp vốn hoặc chưa góp đủ vốn quá thời hạn cuối cùng. Trong trường hợp này, các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên (khoản 3 điều 49 dự thảo Luật).

Điều 51 (Luật doanh nghiệp 2005): Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên (Điều 60 dự thảo Luật)

Khoản 2 điều luật này được sửa đổi theo hướng cho phép công ty linh hoạt hơn và hoàn toàn tự chủ trong quy định điều kiện và trình tự triệu tập họp Hội đồng thành viên trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành họp; chỉ áp dụng quy định của Luật doanh nghiệp nếu Điều lệ công ty không có quy định hoặc không quy định khác.

Điều 52 (Luật doanh nghiệp 2005): Quyết định của Hội đồng thành viên (Điều 61 dự thảo Luật)

Một nội dung sửa đổi quan trọng của điều khoản này là hạ thấp yêu cầu về tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định Hội đồng thành viên xuống 51% (từ 65% theo Luật doanh nghiệp 2005) đối với quyết định thông thường và 65% (từ 75% theo Luật doanh nghiệp 2005) đối với quyết định “quan trọng”.

Nội dung thay đổi khác là khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp áp dụng khoa học kỹ thuật vào quản trị doanh nghiệp nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp. Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã thừa nhận giá trị pháp lý của cuộc họp Hội đồng thành viên dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc phương tiện thông tin tương tự khác bằng cách quy định rằng: thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây (khoản 3 điều 61 dự thảo Luật):

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- + Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác.
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua bản fax, thư điện tử.

¹ Luật doanh nghiệp 2005 quy định thời hạn này là 3 năm.

Nội dung bổ sung mới

Điều 64 (dự thảo Luật): Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và Điều 73 (dự thảo Luật): Khởi kiện người quản lý.

Hai điều khoản mới được bổ sung mới vào dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) thực chất là “luật hóa” quy định tương ứng trong Nghị định 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

4. Chương III, mục 2: Công ty TNHH 1 thành viên

Mục này bao gồm 14 điều, từ Điều 74 đến điều 88. So với Luật Doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 11 Điều (các Điều: 77, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88) và bổ sung thêm 2 Điều mới (các Điều: 75, 78).

Các nội dung sửa đổi cơ bản

Điều 71 (Luật doanh nghiệp 2005): Kiểm soát viên (Điều 83 dự thảo Luật).

Điều luật này được sửa đổi theo cách bổ sung quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền cho kiểm soát viên, như: tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên, cuộc họp của công ty; xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Điều 76 (Luật doanh nghiệp 2005): Tăng, giảm vốn điều lệ (Điều 88 dự thảo Luật)

Khoản 2 điều luật này được sửa đổi theo cách bãi bỏ yêu cầu đăng ký chuyển đổi thành loại hình doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên trong trường hợp công ty kết nạp thêm thành viên. Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên chỉ phải yêu cầu thay đổi cơ cấu tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp kết nạp thêm thành viên. Thay đổi này sẽ giúp tiết kiệm nhiều chi phí thực hiện thủ tục hành chính chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Các nội dung bổ sung mới

Điều 75 (dự thảo Luật): Thực hiện góp vốn thành lập công ty

Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) bổ sung quy định xác định rõ thời hạn thanh toán đủ vốn điều lệ khi thành lập công ty là 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tương tự như quy định đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Đồng thời, áp dụng nguyên tắc “phá vỡ bọc công ty” để quy định trách nhiệm chủ sở hữu công ty do vi phạm nghĩa vụ góp vốn, cụ thể (khoản 3 và 4):

+ Trường hợp Chủ sở hữu không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn 90 ngày quy định tại khoản 2 Điều này, công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp. Trong trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty

phát sinh trong thời gian trước khi công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại xảy ra do không góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

+ Chủ sở hữu chịu trách nhiệm cá nhân đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty và thiệt hại xảy ra do không góp vốn điều lệ.

Điều 78 (dự thảo Luật): Quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt.

Nội dung bổ sung nhằm quy định rõ nguyên tắc thực hiện quyền chủ sở hữu trong một số trường hợp đặc biệt như chủ sở hữu: chết, mất tích, bị kết án tù, giải thể hoặc phá sản. Đây là những nội dung mà chưa được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2005.

5. Chương IV: Công ty cổ phần

Chương này bao gồm 62 điều, từ Điều 89 đến điều 151. So với Luật doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 32 Điều (các Điều: 94, 98, 100, 103, 105, 106, 110, 111, 113, 115, 116, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 125, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 139, 142, 143, 144, 145, 146, 151) và bổ sung thêm 8 Điều mới (các Điều: 90, 91, 101, 102, 104, 127, 128, 141).

Các nội dung sửa đổi cơ bản

Điều 84 (Luật Doanh nghiệp 2005): Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập (Điều 98 dự thảo Luật)

Khoản 4 được sửa đổi theo cách thu hẹp hạn chế đối với chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập. Các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập mua thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.

Điều 87 (Luật doanh nghiệp 2005): Chào bán và chuyển nhượng cổ phần (các Điều 104 và 105 dự thảo Luật)

Có hay sửa đổi cơ bản của Điều luật này, là:

+ Tách điều này thành 2 điều khoản riêng: điều 104: chào bán cổ phần và điều 105: chuyển nhượng cổ phần.

+ Áp dụng nguyên tắc tự do chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông; đồng thời tôn trọng quyền thỏa thuận dân sự giữa các cổ đông nếu họ tự nguyện hạn chế quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình. Điều 105 dự thảo Luật được sửa đổi là: các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

Điều 93 (Luật doanh nghiệp 2005): Trả cổ tức (Điều 111 dự thảo Luật)

Dự thảo Luật đã bổ sung thêm một khoản 5 hướng dẫn chi tiết về việc trả cổ tức bằng cổ phần. Trường hợp công ty trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục phát hành cổ phần riêng lẻ. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần để chi trả cổ tức trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 95 (Luật doanh nghiệp 2005): Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần (Điều 113 dự thảo Luật)

Nội dung sửa đổi cơ bản của điều luật này là bổ sung thêm mô hình quản trị doanh nghiệp theo mô hình quản trị đơn hội đồng đối với công ty cổ phần để phù hợp với thực tiễn tốt của quốc tế và tăng thêm lựa chọn cho nhà đầu tư. Luật doanh nghiệp năm 2005 áp dụng một mô hình quản trị đối với công ty cổ phần là mô hình đa hội đồng. Điều 113 dự thảo Luật đã cho phép công ty cổ phần có thể được lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai cách sau:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc, Tổng giám đốc; đối với công ty cổ phần có trên mười một cổ đông hoặc có một cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát; hoặc

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc, Tổng giám đốc; trong trường hợp này ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập, không điều hành và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập không điều hành thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.

Điều 101 (Luật doanh nghiệp 2005): Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 119 dự thảo Luật); Điều 112 (Luật doanh nghiệp 2005): Cuộc họp Hội đồng quản trị (Điều 133 dự thảo Luật).

Nội dung thay đổi cơ bản là Luật doanh nghiệp khuyến khích và tạo điều kiện doanh nghiệp áp dụng công nghệ vào hệ thống quản trị nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp. Khoản 3 điều 119 và khoản 9 điều 133 dự thảo Luật đã được bổ sung thêm để thừa nhận giá trị pháp lý như nhau giữa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo cách thông thường và dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc phương tiện thông tin tương tự khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- + Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác.
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua bản fax, thư điện tử.

Điều 104 (Luật doanh nghiệp 2005): Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Điều 123 dự thảo Luật)

Điều 104 Luật doanh nghiệp được tách thành hai điều khoản nhằm quy định rõ ràng hơn trình tự, thủ tục và điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Điều 122 về hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; điều 123 về Điều kiện để nghị quyết, quyết định được thông qua.

Ngoài ra, so với Luật doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã hạ thấp yêu cầu về tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông xuống 51% đối với quyết định thông thường và 65% đối với quyết định “đặc biệt” (tỷ lệ tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 là 65% và 75%). Nội dung sửa đổi này nhằm giảm bớt khó khăn, tốn kém cho công ty cổ phần có số lượng cổ đông lớn trong họp Đại hội đồng cổ đông và để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Điều 109 (Luật doanh nghiệp): Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị (Điều 130 dự thảo Luật); điều 110 (Luật doanh nghiệp): Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (Điều 131 dự thảo Luật)

Điều khoản này được bổ sung thêm nội dung về thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhằm phù hợp với nội dung sửa đổi của Luật doanh nghiệp về bổ sung mô hình quản trị đơn hội đồng để công ty cổ phần lựa chọn áp dụng. Các khoản 3, 4, 5 và 6 điều 130 và khoản 3 điều 131 dự thảo Luật bổ sung quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của các loại thành viên Hội đồng quản trị như sau:

+ Thành viên Hội đồng quản trị gồm thành viên điều hành và có thể có thành viên độc lập. Trường hợp Hội đồng quản trị bao gồm cả thành viên điều hành và thành viên độc lập thì trong Điều lệ và giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ thành viên độc lập trước họ tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng.

+ Hội đồng quản trị phải có ít nhất 30% tổng số thành viên là thành viên độc lập trong trường hợp công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo mô hình đơn hội đồng.

+ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên không có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công ty trừ lợi ích là thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền tham gia và thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

+ Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tương ứng với nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát. Điều lệ công ty quy định cụ thể nhiệm vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 118 (Luật doanh nghiệp 2005): Công khai các lợi ích liên quan (điều 139 dự thảo Luật); Điều 119 (Luật doanh nghiệp 2005): Bổn phận của người quản

lý công ty (Điều 140 dự thảo Luật); Điều 120 (Luật doanh nghiệp 2005): Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc (Điều 141 dự thảo Luật).

Tuy đã có những nỗ lực lớn về hoàn thiện chính sách, luật pháp liên quan, nhưng mức độ bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư ở nước ta vẫn liên tục bị xếp hạng rất thấp so với các quốc gia trong khu vực và thế giới - được xếp trong khoảng thứ 160 trong 185 quốc gia, nền kinh tế.² Đối với Luật doanh nghiệp, một số quy định liên quan chưa tạo thuận lợi cho cổ đông, thành viên công ty thực hiện quyền khởi kiện người quản lý trong trường hợp cần thiết; trình tự, thủ tục khởi kiện còn phức tạp, kéo dài, tốn kém. Các nội dung được sửa đổi trong dự thảo Luật bao gồm:

+ Bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể cách thức công khai hóa lợi ích có liên quan (khoản 3 điều 139 dự thảo Luật).

+ Quy định chi tiết hơn về bổn phận người quản lý công ty; luật hóa và đơn giản hóa trình tự, thủ tục khởi kiện người quản lý nhằm tạo thuận lợi hơn cho cổ đông theo dõi, giám sát và khởi kiện người quản lý khi cần thiết. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc (điều 141 dự thảo Luật). So với Luật doanh nghiệp 2005, thì cổ đông, nhóm cổ đông này chỉ được khởi kiện người quản lý, giám đốc/tổng giám đốc nếu Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông.

Điều 123 (Luật doanh nghiệp 2005): Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát (Điều 145 dự thảo Luật).

Nhằm khắc phục hạn chế và khó khăn trong hoạt động của Ban kiểm soát, Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền của Ban kiểm soát, như: tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên, cuộc họp của công ty; nhiệm vụ đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty (Khoản 4, 7 điều 145 dự thảo Luật). Khoản 2 điều 146 dự thảo Luật được bổ sung nhằm mở rộng quyền tiếp cận thông tin cho Ban kiểm soát; theo đó, các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 129 (Luật doanh nghiệp 2005): Công khai thông tin công ty cổ phần (điều 151 dự thảo Luật)

Điều khoản này đã được sửa đổi cơ bản nhằm bổ sung yêu cầu công khai hóa thông tin kịp thời và đầy đủ đối với công ty cổ phần để tương thích với thông lệ quốc tế tốt, như: điều lệ doanh nghiệp, danh sách thành viên Hội đồng quản trị,

² Báo cáo kinh doanh 2014 của Ngân hàng thế giới

Giám đốc/Tổng giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông nước ngoài, ... (Điều 151 dự thảo Luật).

Các nội dung bổ sung mới

Điều 90 (dự thảo Luật): Vốn công ty cổ phần

Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung quy định mới nhằm quy định cụ thể, rõ ràng và thống nhất các khái niệm về vốn công ty cổ phần. Có ba khái niệm quan trọng liên quan đến vốn của công ty cổ phần.

Cổ phần được quyền phát hành của công ty cổ phần là tổng số cổ phần mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ phát hành để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã phát hành và cổ phần chưa phát hành. Số cổ phần được quyền phát hành của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần mà công ty sẽ phát hành để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.

+ Cổ phần đã phát hành là số cổ phần được quyền phát hành đã được các cổ đông đã thanh toán đủ cho công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã phát hành là tổng số cổ phần đã được đăng ký mua. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành.

+ Cổ phần chưa phát hành là cổ phần được quyền phát hành nhưng chưa được thanh toán. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần chưa phát hành là tổng số cổ phần mà chưa được các cổ đông đăng ký mua.

Điều 91 (dự thảo Luật): Thanh toán cổ phần đã đăng ký mua khi đăng ký doanh nghiệp.

Điều luật này được bổ sung thêm vào dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) nhằm trách nhiệm, thời hạn và quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan trong thanh toán đủ cổ phần đã đăng ký mua tại thời điểm thành lập doanh nghiệp. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm yêu cầu và đảm bảo cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (khoản 1).

Điều 102 (dự thảo Luật): Phát hành cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải công ty cổ phần đại chúng

Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã bổ sung quy định về phát hành cổ phần riêng lẻ đối với công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng một cách hợp lý, đơn giản so với quy định hiện hành. Công ty có quyền tiến hành tổ chức thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ sau 20 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo chấp thuận việc phát hành cổ phần riêng lẻ trong một thời hạn sớm hơn (khoản 3)

6. Chương VI: Doanh nghiệp tư nhân (từ điều 163 đến 167)

Dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 2 Điều là Điều 163 và 166 dự thảo Luật.

Điều 141 (Luật doanh nghiệp 2005): Doanh nghiệp tư nhân (Điều 163 dự thảo Luật)

Nội dung sửa đổi cơ bản là xác định rõ hạn chế đối với chủ doanh nghiệp tư nhân: không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

7. Chương VII: Doanh nghiệp nhà nước

Chương này gồm 31 điều, từ điều 169 đến điều 200. Toàn bộ nội dung của Chương là điều khoản được bổ sung mới vào dự thảo Luật doanh nghiệp. Chương này nhằm quy định đặc thù về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước. Trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định của Chương này và các quy định có liên quan khác của Luật này, thì áp dụng quy định của Chương này.

Chương VII về doanh nghiệp nhà nước được chia thành 3 mục với nội dung cụ thể như sau.

Mục I: Những vấn đề chung.

Mục này bao gồm 6 Điều, từ Điều 169 đến 175, quy định về nội dung cơ bản sau:

+ Xác định rõ vai trò và sứ mệnh của khu vực doanh nghiệp nhà nước và từng doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước được thành lập để cung cấp những sản phẩm, dịch vụ đảm bảo nền kinh tế phát triển cân đối, vì lợi ích của tất cả các nhóm dân cư, bảo đảm an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ mà các doanh nghiệp khác không muốn hoặc không thể cung cấp (Điều 170 dự thảo Luật).

+ Xác định nguyên tắc mới về bảo toàn và phát triển vốn nhà nước trong doanh nghiệp. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển khi giá trị thực tế vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp tăng thêm hoặc tỷ suất lợi nhuận của vốn chủ sở hữu nhà nước trong kỳ báo cáo ít nhất bằng lãi suất bình quân trái phiếu Chính phủ ở thị trường trong nước trong cùng thời kỳ (Điều 171 dự thảo Luật).

+ Xác định rõ ràng, cụ thể nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu vốn nhà nước trong doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt. Điều 172 dự thảo Luật quy định các nội dung tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu như sau:

(1) Chính phủ phân công cho một hoặc một số tổ chức trực tiếp thực hiện các quyền chủ sở hữu tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Cơ quan chủ sở hữu). Cơ quan chủ sở hữu không được trực tiếp tham mưu, soạn thảo chính sách; không

được trực tiếp tham gia kiểm soát, điều tiết thị trường và thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác.

(2) Cơ quan chủ sở hữu thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp một cách độc lập và chuyên trách, tập trung và thống nhất; Mỗi doanh nghiệp có một Cơ quan chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền khác trong việc thực hiện các quyền chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp đó.

(3) Các cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp và áp đặt mệnh lệnh hành chính vào hoạt động kinh doanh; đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Mục III: Tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

Mục này bao gồm 18 Điều, từ Điều 176 đến điều 194. Mục này quy định cụ thể nguyên tắc quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên. Đây là những quy định “đặc thù”, cần có quy định chi tiết hơn, cụ thể hơn hoặc chặt chẽ hơn về nguyên tắc quản trị áp dụng trong doanh nghiệp thông thường. Mục này có các nội dung đáng lưu ý sau:

+ *Điều 178*: Quy định cụ thể và chi tiết hóa các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên (so với quy định tương ứng tại điều 80 quy định chung về Hội đồng thành viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

+ *Điều 197* bổ sung thêm các điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thành viên, như: không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên; chưa từng bị miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác,

+ *Điều 181 và 183*: Quy định cụ thể và chi tiết hóa các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

+ *Điều 184*: Quy định chi tiết chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên (không có quy định chi tiết tương ứng trong mục II, chương III về công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên).

+ *Điều 186*: Bổ sung thêm tiêu chuẩn, điều kiện đối với Giám đốc/Tổng giám đốc; chặt chẽ hơn so với tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng đối với Giám đốc/Tổng giám đốc trong công ty thông thường.

+ *Các Điều 188, 189 và 190* quy định chi tiết quyền, nhiệm vụ, chế độ làm việc và tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát (không có quy định chi tiết tương ứng trong mục II, chương III về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

Mục III: Công bố thông tin

Mục này bao gồm 5 Điều, từ Điều 195 đến điều 200. Mục này quy định về yêu cầu công khai hóa thông tin đối với doanh nghiệp có sở hữu vốn nhà nước; theo đó doanh nghiệp nhà nước sẽ phải công khai hóa thông tin một cách định kỳ và bất thường. Doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ phải công bố các thông tin và theo cách thức sau đây.

+ *Điều 199: Công ty phải công bố thông tin định kỳ sau đây trên trang thông tin điện tử của công ty và của Cơ quan chủ sở hữu:*

(1) Sứ mệnh, mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể hàng năm của kế hoạch kinh doanh;

(2) Bản toàn văn và tóm tắt Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 120 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.

(3) Bản toàn văn và tóm tắt Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

(4) Toàn văn Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

(5) Báo cáo toàn văn kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích (được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu, nếu có) và trách nhiệm xã hội khác

(6) Báo cáo về thực trạng cơ cấu tổ chức công ty, bao gồm cả cơ cấu tổ chức của tập đoàn, tổng công ty.

+ *Điều 200: Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm của công ty các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:*

(1) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

(2) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ một loại giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của doanh nghiệp;

(3) Có bổ sung, sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy pháp khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

(4) Có quyết định mới của Cơ quan chủ sở hữu hoặc của Hội đồng thành viên, chủ tịch công ty;

(5) Có thay đổi cán bộ quản lý chủ chốt, gồm thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc (giám đốc, phó giám

đốc), thành viên Ban kiểm soát, hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính kế toán;

(6) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các cán bộ quản lý chủ chốt của doanh nghiệp;

(7) Có kết luận của thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

(8) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

(9) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

8. Chương VIII: Nhóm công ty

Chương này bao gồm 7 điều, từ Điều 201 đến 207. So với Luật doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 2 Điều (các Điều: 201, 205) và bổ sung thêm 3 Điều mới (các Điều: 202, 206, 207).

Các nội dung sửa đổi cơ bản

Điều 146 (Luật doanh nghiệp 2005): Nhóm công ty (Điều 201 dự thảo Luật)

Thay đổi cơ bản trong điều luật này là xác định rõ khái niệm nhóm công ty; theo đó nhóm công ty không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung bổ sung mới

Điều 202 (dự thảo Luật): Nhóm công ty mẹ - công ty con

Bổ sung quy định nhằm xác định rõ đặc điểm nhóm công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đồng thời, bổ sung quy định nhằm hạn chế rủi ro của nhóm công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con, cụ thể:

+ Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ của nhóm công ty;

+ Các công ty con trong cùng một nhóm công ty không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau, không được cùng nhau góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.

Điều 205, 206 và 207 (dự thảo Luật) về tập đoàn kinh tế

Hai điều được bổ sung mới về tập đoàn kinh tế là điều 206 và 207. Điều 205 được sửa đổi cơ bản từ điều 149 Luật doanh nghiệp 2005. Nội dung thay đổi của các điều luật này nhằm làm cho tập đoàn kinh tế trở nên rõ ràng hơn và minh bạch hơn cho các bên có liên quan và cho chính tập đoàn, cụ thể:

+ Bổ sung quy định nhằm làm rõ hơn đặc điểm, cơ cấu và mối quan hệ giữa các công ty trong tập đoàn (điều 205)

+ Bổ sung quy định xác định rõ quyền và nhiệm vụ của công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế (điều 206).

+ Bổ sung quy định hướng dẫn nguyên tắc phối hợp trong tổ chức quản lý và hoạt động của tập đoàn kinh tế (Điều 207).

9. Chương IX: Tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp

Chương này gồm 16 điều, từ Điều 208 đến điều 223. So với Luật doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi 9 Điều (các Điều: 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 218) và bổ sung thêm 3 Điều mới (các Điều: 219, 220, 222).

Các nội dung sửa đổi cơ bản

Các điều 150 (Luật doanh nghiệp 2005): Chia doanh nghiệp (điều 208 dự thảo Luật); Các điều 151 (Luật doanh nghiệp 2005): Tách doanh nghiệp (điều 209 dự thảo Luật); Các điều 152 (Luật doanh nghiệp 2005): Hợp nhất doanh nghiệp (điều 209 dự thảo Luật); Các điều 153 (Luật doanh nghiệp 2005): Sáp nhập doanh nghiệp (điều 210 dự thảo Luật);

Sửa đổi cơ bản của các điều luật này là mở rộng đối tượng được quyền hợp nhất, sáp nhập, chia, tách công ty. Cho phép các công ty có cùng bản chất (có thể khác loại hình thức tổ chức) có thể hợp nhất, sáp nhập, chia, tách. Ngoài ra, bổ sung thêm quy định hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục về phương thức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp và đăng ký lại doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

Điều 158 (Luật doanh nghiệp 2005): Thủ tục giải thể doanh nghiệp (Điều 218 dự thảo Luật)

Thực tế cho thấy việc giải thể doanh nghiệp có thể có nhiều lý do khác nhau. Do đó, trong nhiều trường hợp, giải thể doanh nghiệp được coi là một hoạt động bình thường, ví dụ nhà đầu tư thôi không muốn kinh doanh nữa hay chấm dứt hoạt động kinh doanh này để chuyển sang hoạt động kinh doanh khác có hiệu quả hơn. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, do những khó khăn về kinh tế, số lượng doanh nghiệp rơi vào tình trạng giải thể, phá sản là lớn và ngày càng tăng lên. Tuy vậy, rất nhiều doanh nghiệp như vậy đã cho rằng họ gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục giải thể. Thay đổi cơ bản trong quy định thủ tục giải thể là xác định rõ hơn và hợp lý hơn so với trước đây. Trình tự giải thể được quy định theo các bước: (i) quyết định giải thể, (ii) công bố tình trạng doanh nghiệp đang giải thể, (iii) yêu cầu xóa tên doanh nghiệp. Sau thời hạn 180 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải thể và không nhận được thông tin phản đối việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc bên có liên quan hoặc trong năm ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh và thông báo trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (khoản 8).

Các nội dung bổ sung mới.

Điều 219 (Dự thảo Luật): Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi đăng ký kinh doanh hoặc theo quyết định của tòa án.

Đây là quy định nhằm bổ sung hướng dẫn giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của tòa án. Luật doanh nghiệp 2005 không có hướng dẫn thủ tục giải thể trong trường hợp này.

Điều 220 (dự thảo Luật): Hồ sơ giải thể doanh nghiệp

Quy định này là “luật hóa” quy định về hồ sơ giải thể doanh nghiệp đã được hướng dẫn chi tiết trong Nghị định 102/2010/NĐ-CP và đồng thời để phù hợp với quy trình mới về giải thể doanh nghiệp.

10. Chương X. Tổ chức thực hiện.

Chương này bao gồm 6 điều, từ Điều 224 đến 229. So với Luật doanh nghiệp 2005, dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã sửa đổi cơ bản 1 Điều 165 Luật doanh nghiệp 2005 (Điều 228 dự thảo Luật); bãi bỏ 4 điều 161, 166, 167 và 168 Luật doanh nghiệp 2005.

Xét về bản chất, toàn bộ quy định trong dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã thể hiện nội dung quản lý nhà nước đối với các hoạt động thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp. Do đó, nội dung chương IX về quản lý nhà nước và chương X về điều khoản thi hành của Luật doanh nghiệp 2005 đã được nhập lại thành chương X về Tổ chức thực hiện (dự thảo Luật) để phù hợp hơn với nội dung chương này.

Điều 165 (Luật doanh nghiệp 2005): Xử lý vi phạm (Điều 228 dự thảo Luật)

Thay đổi quan trọng nhất trong chương này thu hẹp các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chỉ áp dụng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp thật cần thiết, buộc doanh nghiệp phải chấm dứt toàn bộ hoạt động (Điều 228 dự thảo Luật). Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

(1) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực hoặc giả mạo;

(2) Doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 13 của Luật này thành lập;

(3) Không liên lạc hoặc giao dịch được với doanh nghiệp tại địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký trong thời hạn sáu tháng liên tục;

(4) Ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;

(5) Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 226 của Luật này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản;

(6) Kinh doanh ngành, nghề bị cấm.

(7) Trường hợp khác theo quyết định của tòa án.

Điều 169 (Luật doanh nghiệp 2005): Hiệu lực thi hành (Điều 229 dự thảo Luật)

Quy định này xác định rõ hiệu lực thi hành của Luật doanh nghiệp (sửa đổi) cho phù hợp với nội dung thay đổi của Luật. Theo đó, Luật này thay thế Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2015 trừ các trường hợp sau đây.

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực, thời hạn góp vốn Điều lệ thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp 2005.

+ Các nhóm công ty đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực phải thực hiện tái cấu trúc để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại khoản 4 và 5 điều 202 kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2017.

Ngoài ra, dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) đã bãi bỏ các điều 161, 166, 167 và 168 Luật doanh nghiệp 2005 về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật doanh nghiệp, do không còn phù hợp.